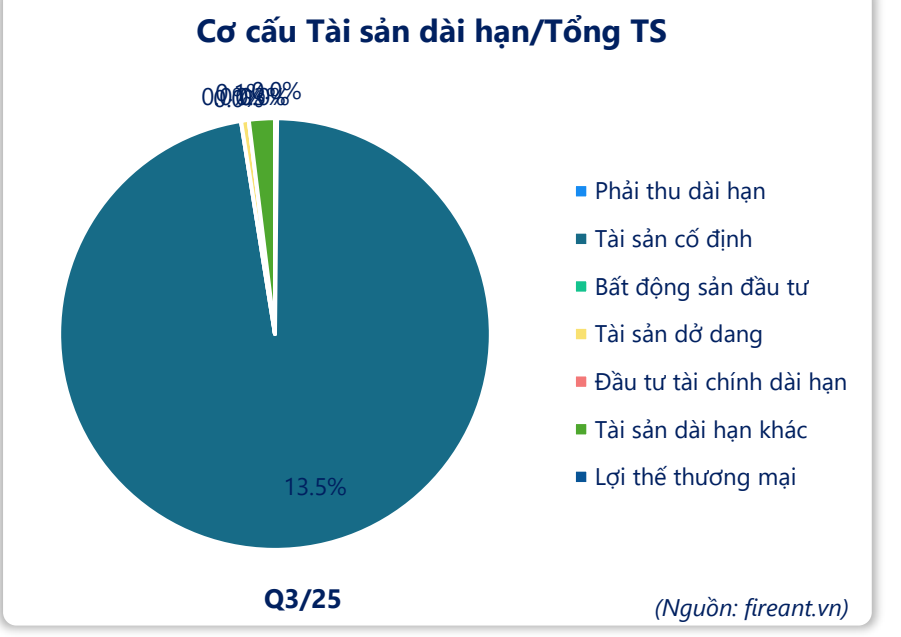
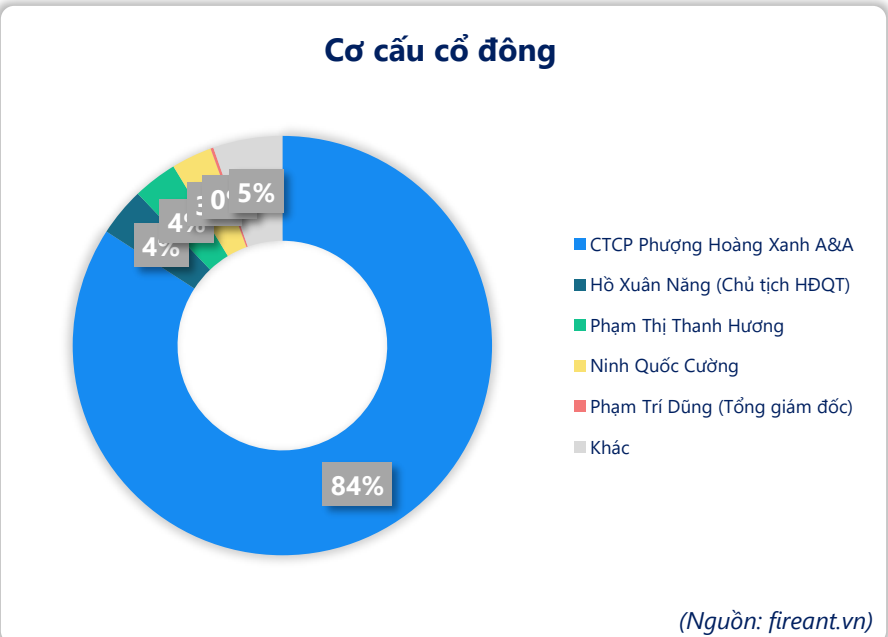
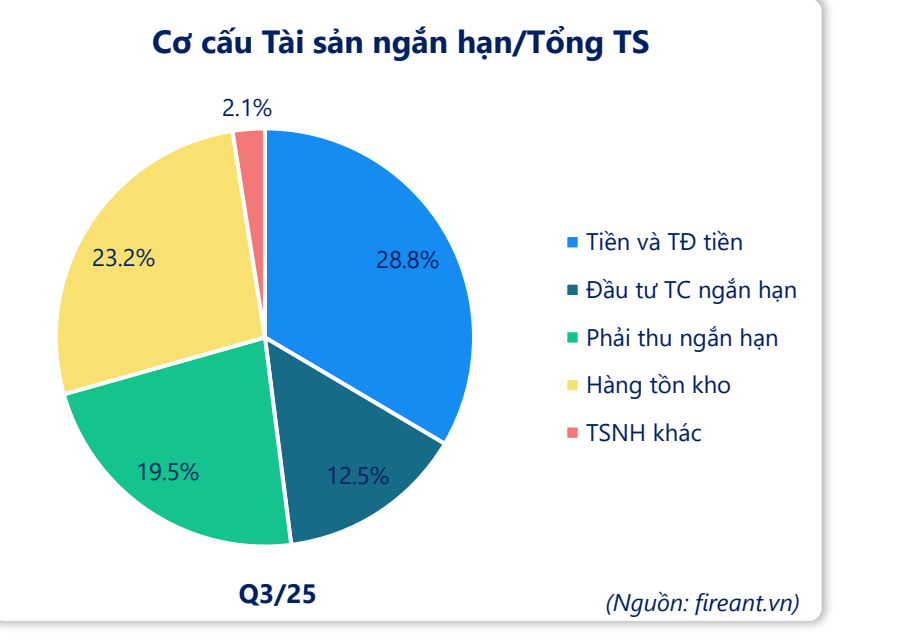
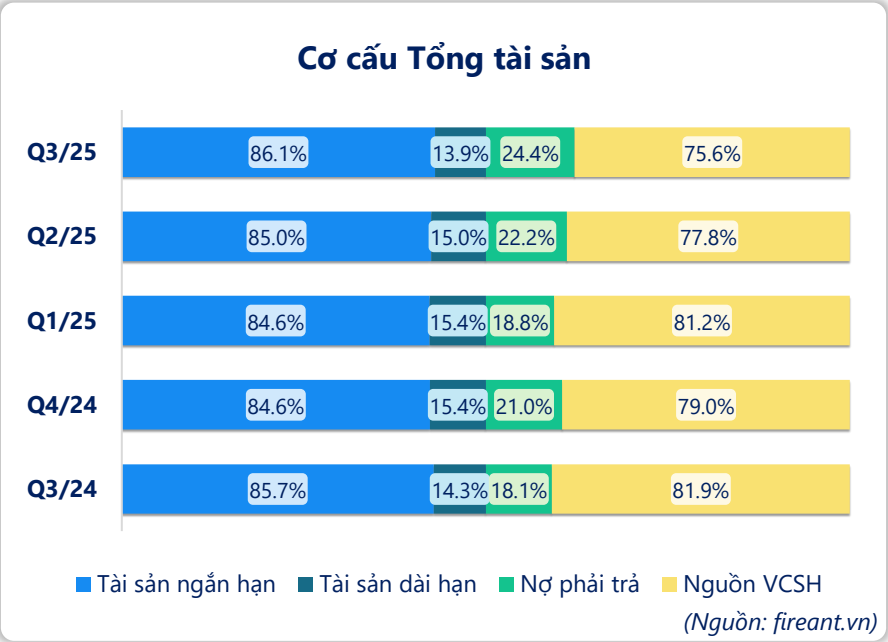
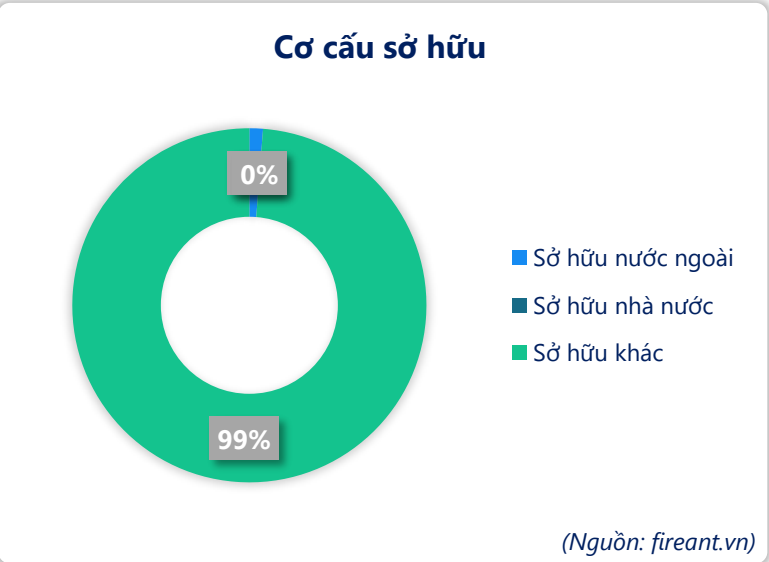
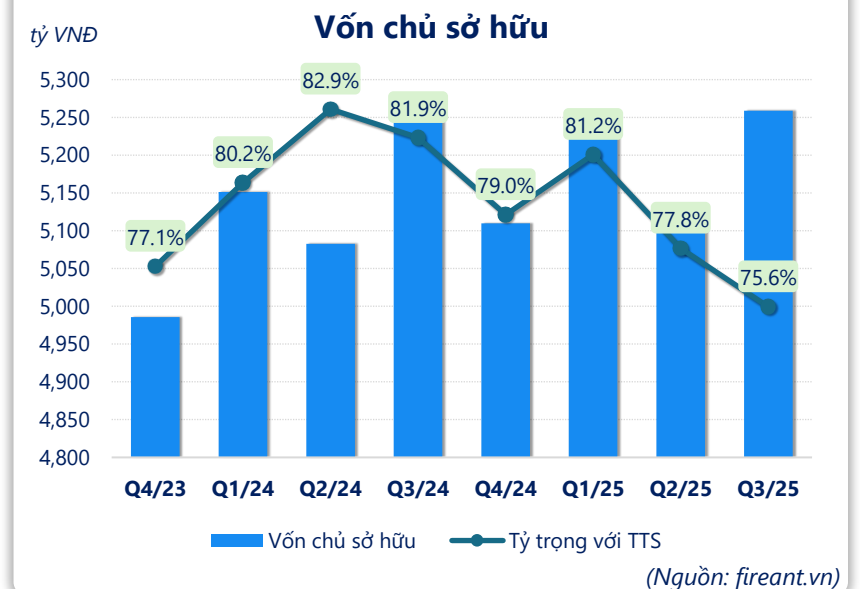
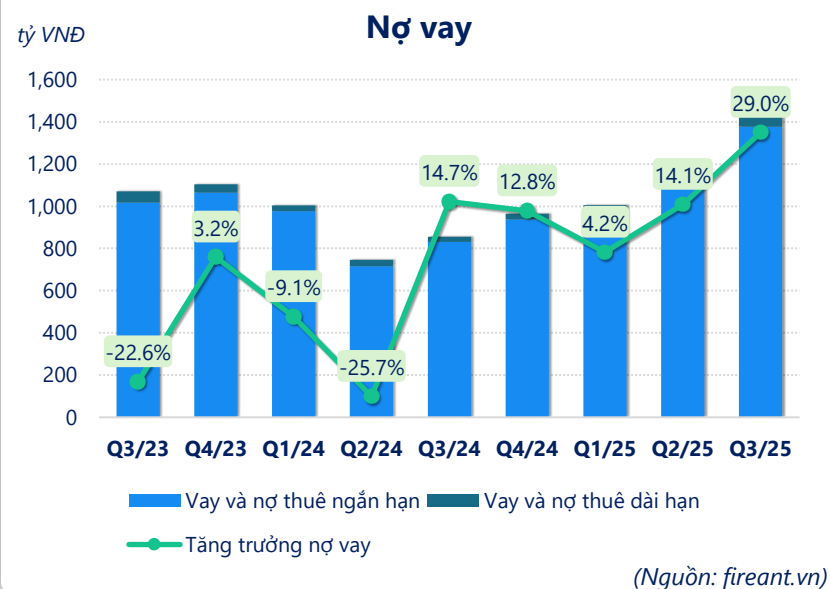
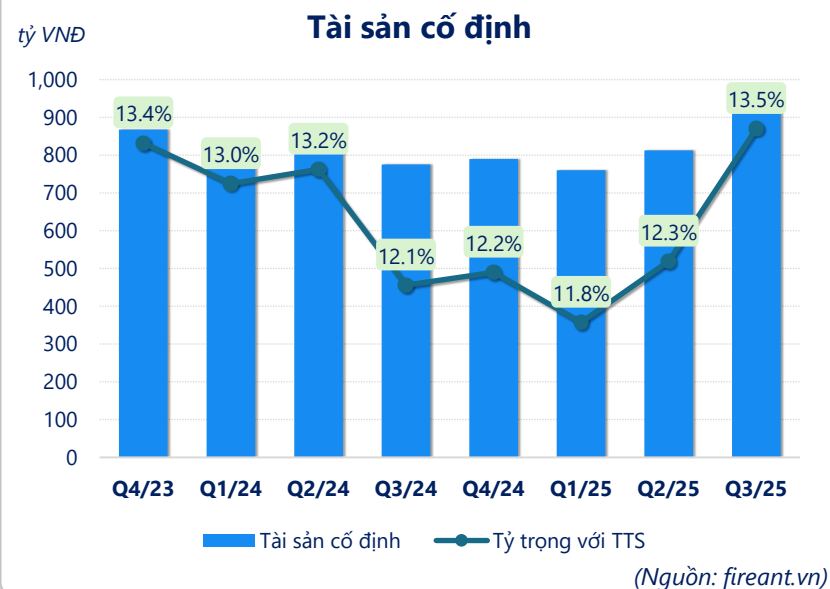
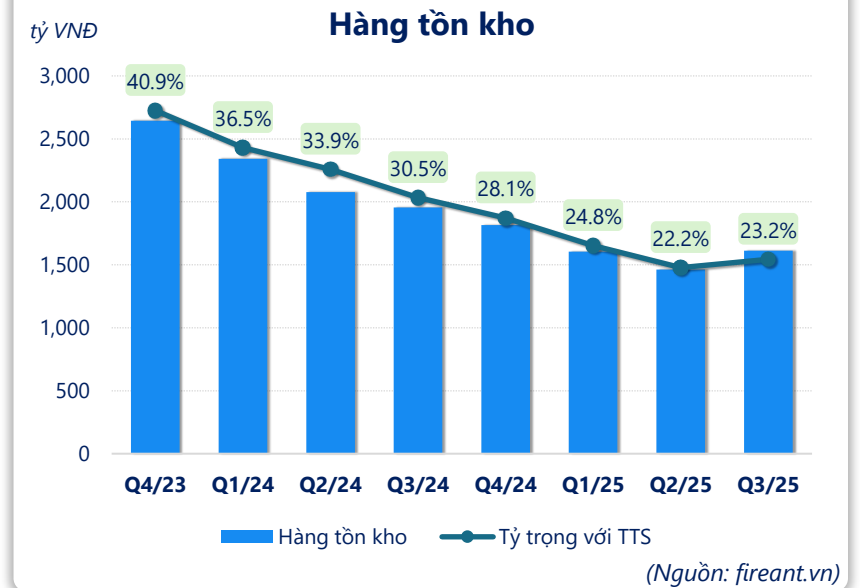
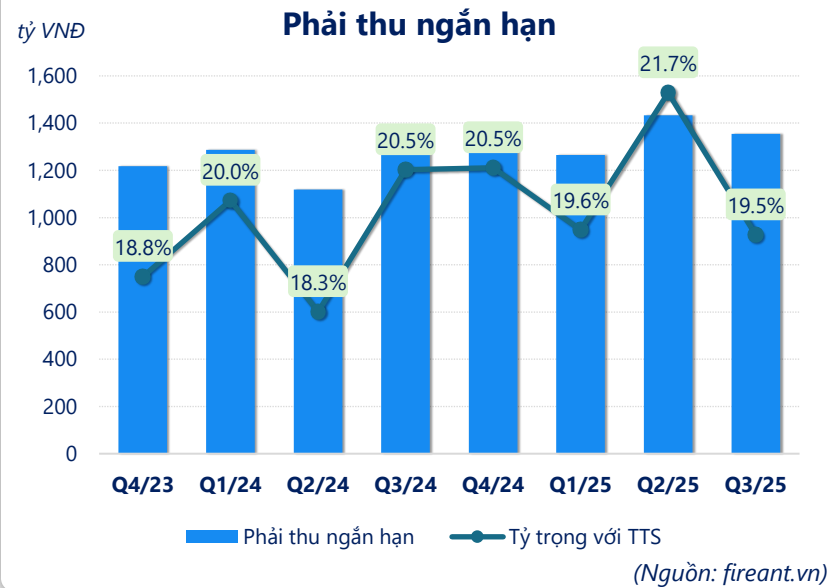
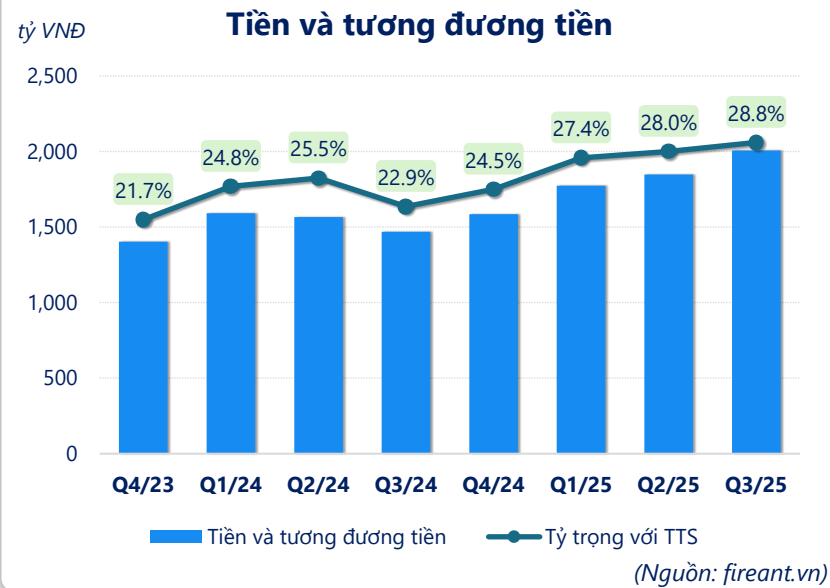
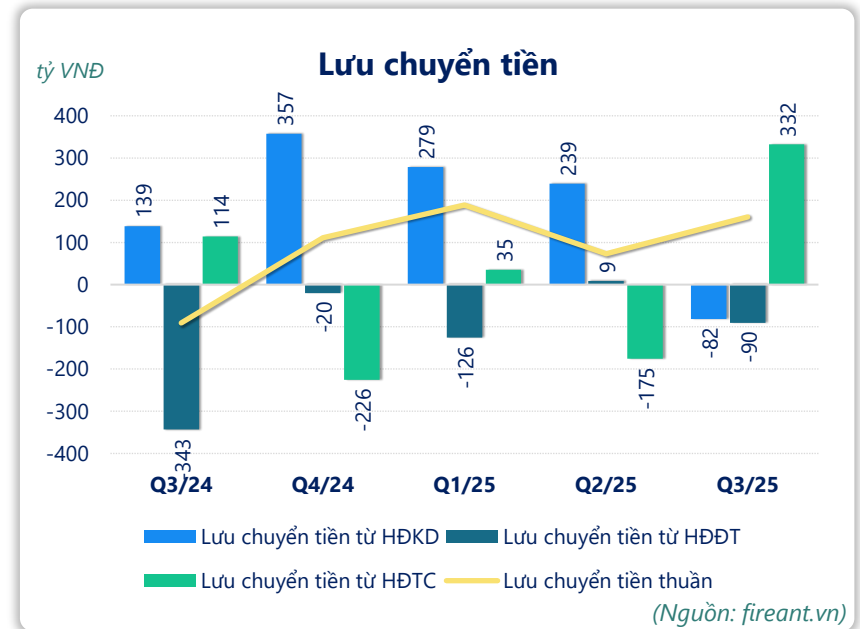
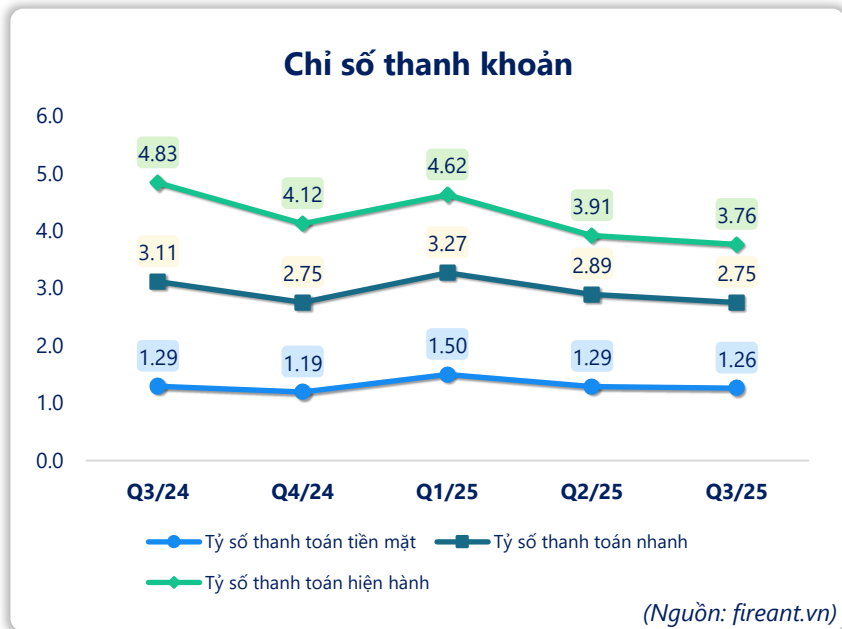
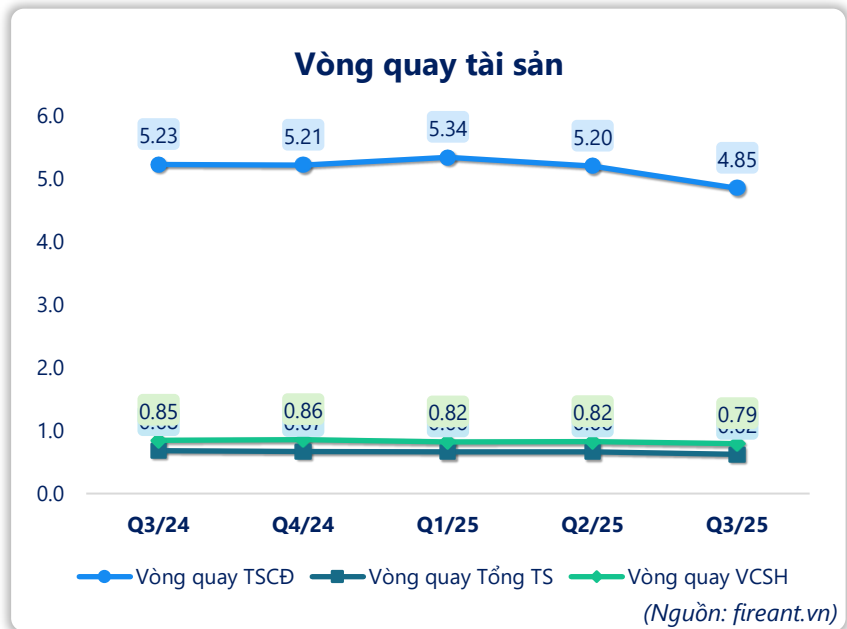
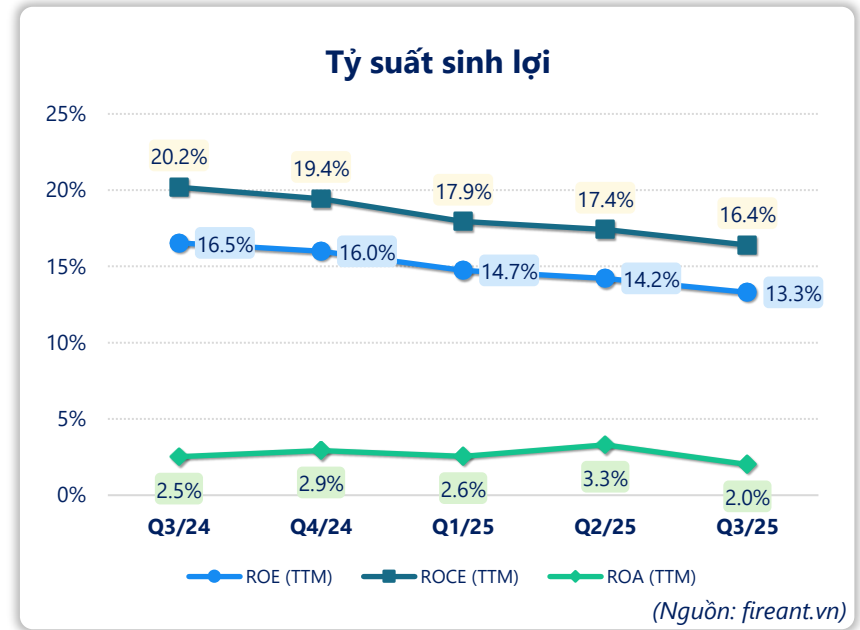
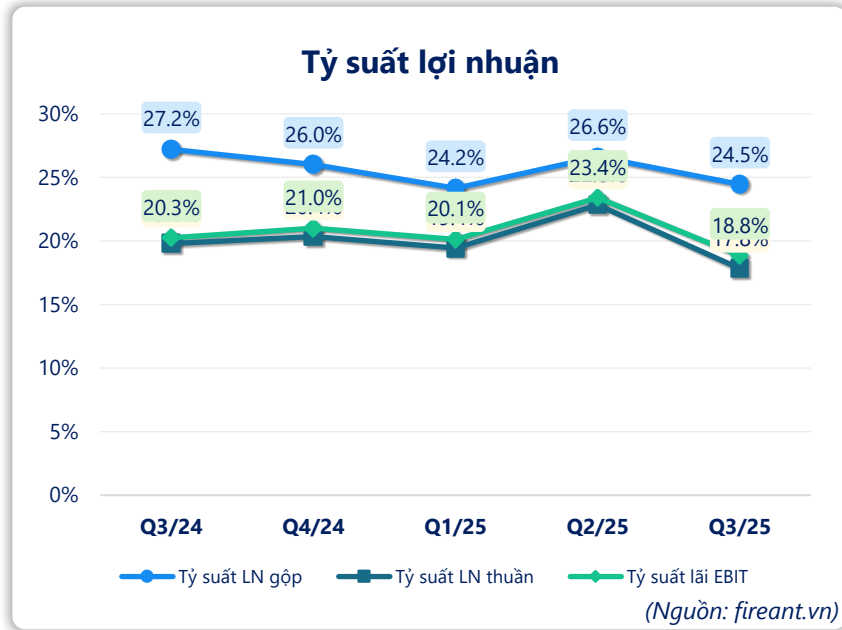
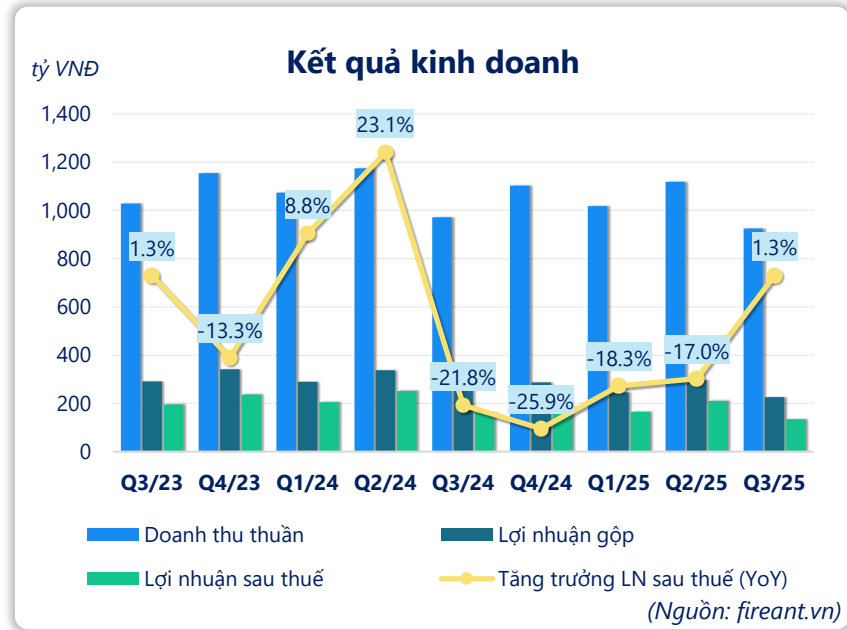


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		48,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		64,206
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		38,406
SL cổ phiếu LH		160,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		159,115
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,712
P/E		11.0
EPS		4,365

	YTD	1T	3T	6T
VCS	-20.8%	-1.6%	-3.0%	-13.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,958	6,467	7.6%
Tài sản ngắn hạn	5,989	5,473	9.4%
Tiền và tương đương tiền	2,006	1,583	26.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	868	670	29.6%
Phải thu ngắn hạn	1,355	1,329	2.0%
Hàng tồn kho	1,611	1,816	-11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	149	75.1	98.1%
Tài sản dài hạn	968	994	-2.5%
Phải thu dài hạn	1.51	0.84	80.4%
Tài sản cố định	943	790	19.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.60	184	-97.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.8	18.2	3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,699	1,357	25.2%
Nợ ngắn hạn	1,592	1,327	20.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,377	935	47.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	125	183	-31.4%
Nợ dài hạn	107	30.7	248%
Vay và nợ thuê dài hạn	105	28.8	264%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,259	5,110	2.9%
Vốn chủ sở hữu	5,259	5,110	2.9%
Vốn điều lệ	1,600	1,600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	972	1,102	1,018	1,118	925
Giá vốn hàng bán	707	816	772	821	699
Lợi nhuận gộp	264	287	246	298	226
Doanh thu HĐTC	15.8	24.8	23.4	50.3	29.5
Chi phí TC	20.9	16.3	13.7	14.3	17.5
Chi phí lãi vay	7.62	8.81	8.66	10.2	13.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	52.0	51.2	43.6	60.7	53.9
Chi phí QLDN	14.8	19.6	14.0	17.6	19.4
LN thuần từ HĐKD	192	224	198	255	165
Lợi nhuận khác	-3.20	-1.73	-1.77	-3.88	-3.93
LN trước thuế	189	223	196	252	161
Lợi nhuận sau thuế	162	189	165	210	135
LNST của CĐ cty mẹ	162	189	165	210	135

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	139	357	279	239	-81.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-343	-20.4	-126	8.81	-90.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	114	-226	35.2	-175	332
Tiền đầu kỳ	1,566	1,467	1,583	1,773	1,847
Lưu chuyển tiền thuần	-90.8	111	189	73.0	160
Ảnh hưởng tỷ giá	-8.04	6.20	1.16	0.82	-0.29
Tiền cuối kỳ	1,467	1,585	1,773	1,847	2,006

(Nguồn: fireant.vn)